

**TÒA ÁN NHÂN NHÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 165/2020/DS-PT

Ngày: 17/6/2020

V/v tranh chấp: “Quyền về
tưới nước, tiêu nước trong
canh tác và quyền về lối đi”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Triều.

Các Thẩm phán:

Ông Huỳnh Văn Ngoan

Bà Trần Thị Kim Em

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Vân-Thư ký Tòa án tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang: Ông Võ Trung Hiếu -Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 17 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 115/2020/TLPT- DS ngày 16 tháng 3 năm 2020 về tranh chấp: “Quyền về tưới nước, tiêu nước trong canh tác và quyền về lối đi”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 255/2019/DS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 166/2020/QĐ-PT ngày 30 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Huỳnh Văn H**, sinh năm 1965 (có mặt);

Địa chỉ: ấp M, xã Mỹ M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn:

- Bà **Nguyễn Thị D**, sinh năm 1940 (vắng mặt);

- Anh **Nguyễn Văn D1**, sinh năm 1965 (vắng mặt);

- Chị **Nguyễn Thị Hoa L**, sinh năm 1967 (vắng mặt);

- Chị **Nguyễn Thị Lệ H1**, sinh năm 1973 (vắng mặt);

- Anh **Nguyễn Thanh N**, sinh năm 1978 (vắng mặt);

- Anh **Nguyễn Thanh H2**, sinh năm 1980 (vắng mặt);

- Anh **Nguyễn Thanh D2**, sinh năm 1983 (có mặt);

- Anh **Nguyễn Văn N1**, sinh năm 1963 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: ấp M, xã Mỹ M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(Bà D, anh N1, anh D1, chị L, chị H1, anh N, anh H2 ủy quyền cho anh D2 theo văn bản ủy quyền ngày 09/7/2019).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà **Mai Thị L1**, sinh năm 1965 (có mặt);
- Anh **Huỳnh Hữu K**, sinh năm 1989 (vắng mặt);
- Chị **Huỳnh Thị Ngọc D3**, sinh năm 1987 (vắng mặt);
- Chị **Trần Thị H4**, sinh năm 1986 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: ấp M, xã Mỹ M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(Bà L, anh K, chị D3, chị H4 ủy quyền cho ông **Huỳnh Văn H** theo văn bản ủy quyền ngày 11/7/2019).

- Chị **Nguyễn Thị Thu L3**, sinh năm 1984.

Người đại diện theo ủy quyền cho chị L3: anh **Nguyễn Thanh D2**, sinh năm 1983. Cùng địa chỉ: ấp M, xã Mỹ M, huyện C, tỉnh Tiền Giang. (Theo văn bản ủy quyền ngày 09/7/2019)

- Ông **Nguyễn Văn Bé S**, sinh năm 1966 (vắng mặt);
- Bà **Nguyễn Thị Q**, sinh năm 1965 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: ấp M, xã Mỹ M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

4. Người kháng cáo:

Nguyên đơn ông Huỳnh Văn H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Mai Thị L,

Bị đơn ông Nguyễn Thanh D2 đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà D, anh N1, anh D1, chị L, chị H1, anh N, anh H2 và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Thu L3

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn ông Huỳnh Văn H cũng là đại diện ủy quyền của bà Mai Thị L, anh Huỳnh Hữu K, chị Huỳnh Thị Ngọc D3, chị Trần Thị H4 trình bày:

Gia đình ông có thửa đất số 566, diện tích 6.339 m² tại ấp M, xã Mỹ M, huyện C, tỉnh Tiền Giang do ông đại diện hộ gia đình đứng tên.

Thửa đất số 566 của ông trước đây có một đường nước để dẫn nước tưới tiêu phục vụ sản xuất và có một bờ ranh làm lối đi nối từ rạch Tràm Quý vào. Năm 2012 bà D khởi kiện tranh chấp quyền sử dụng đường nước và lối đi với ông. Bản án sơ thẩm số 216/2014/DS –ST ngày 06/11/2014 của Tòa án huyện C và bản án phúc thẩm số 221/2015/DS-PT ngày 28/5/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xử buộc ông phải trả lại đường nước và lối đi cho bà D có diện tích chiều ngang một đầu 02 m, một đầu 03 m, chiều dài một cạnh 23,44 m và một cạnh 22,8 m.

Phần đất này (chiều ngang một đầu 02 m, một đầu 03 m, chiều dài một cạnh 23,44 m và một cạnh 22,8 m) sau khi trả lại cho gia đình bà D thì thửa đất 566 của ông không còn đường nước để dẫn nước tưới tiêu phục vụ sản xuất và không có lối đi ra vào để canh tác đất.

Ngoài lối đi và đường dẫn nước nói trên thì gia đình ông không còn lối đi và đường dẫn nước nào khác để canh tác, sản xuất thửa đất 566. Nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau đây:

Yêu cầu bà Nguyễn Thị D, anh Nguyễn Văn N1, anh Nguyễn Văn D1, chị Nguyễn Thị Hoa L, chị Nguyễn Thị L H1, anh Nguyễn Thanh N, anh Nguyễn Thanh H2, anh Nguyễn Thanh D2 cùng các thành viên trong hộ phải mở lối đi và đường dẫn nước chiều ngang một đầu 02 m, một đầu 2.07 m chiều dài một cạnh 24,02 m và một cạnh dài 23,04m nằm (theo bản vẽ ngày 09/8/2019 của Công ty đo đạc Đông Hải) trên thửa đất 1931, tờ bản đồ số 2, diện tích 444 m² của bà D tại ấp M, xã Mỹ M, huyện C, tỉnh Tiền Giang để gia đình ông đi lại và tưới tiêu canh tác thửa 566 được thuận tiện.

Bị đơn ông Nguyễn Thanh D2 đồng thời là đại diện theo ủy quyền của các bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Thu L3 trình bày:

Theo bản án số 221/2015/DS-PT ngày 28/5/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang buộc hộ ông Huỳnh Văn H trả lại cho các bị đơn phần đất tranh chấp 49,5 m² tại ấp M, xã Mỹ M, huyện C, tỉnh Tiền Giang và gia đình được quyền đăng ký kê khai phần đất này. Sau đó gia đình anh vẫn cho phía ông H sử dụng phần đất này làm đường đi và đường dẫn nước. Do phía ông H có hành vi gian dối nên phía anh mới rào lại không cho phía ông H sử dụng phần đất này làm đường nước, đường đi. Nay theo yêu cầu của phía nguyên đơn anh không đồng ý do phía ông H có đường đi và đường nước khác.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Bé S và bà Nguyễn Thị Q: không có gởi văn bản cho Tòa án.

Bản án dân sự sơ thẩm số 255/2019/DS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện C đã quyết định:

- Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 253, 254, 468 của Bộ luật Dân sự;
- Điều 95 Luật đất đai;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

* Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Văn H.

Buộc bà Nguyễn Thị D, anh Nguyễn Văn N1, anh Nguyễn Văn D1, chị Nguyễn Thị Hoa L, chị Nguyễn Thị Lệ H1, anh Nguyễn Thanh N, anh Nguyễn Thanh H2, chị Nguyễn Thị Thu L3 và anh Nguyễn Thanh D2 mở cho hộ ông Huỳnh Văn H 01 đường đi và 01 đường nước tưới tiêu có tứ cận như sau:

- Phía Bắc giáp với đất của bà Nguyễn Thị D còn lại: 23,51m.
- Phía Nam giáp với đất ông Võ Văn Minh: $8,15\text{m} + 14,89\text{m} = 23,04$

m.

- Phía Đông giáp với đường đi công cộng: 01 m.
- Phía Tây giáp với đất của ông Huỳnh Văn H: 01 m.

(Có sơ đồ kèm theo)

Phần đất này phía bị đơn có quyền sử dụng theo quyết định của phúc thẩm số 221/2015/DS-PT ngày 28/5/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Ghi nhận ông Huỳnh Văn H trả giá trị đất và giá trị hàng rào cho phía bị đơn là 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng. Kể từ ngày bị đơn có đơn yêu cầu thi hành án về phần tiền, nếu nguyên đơn chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi theo quy định của pháp luật đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Ông Huỳnh Văn H được quyền đăng ký, kê khai quyền sử dụng phần đất được mở lối đi, đường nước tưới tiêu theo qui định của pháp luật.

* Về án phí:

- Bà Nguyễn Thị D, anh Nguyễn Văn N1, anh Nguyễn Văn D1, chị Nguyễn Thị Hoa L, chị Nguyễn Thị Lệ H1, anh Nguyễn Thanh N, anh Nguyễn Thanh H2, chị Nguyễn Thị Thu L3 và anh Nguyễn Thanh D2 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông H phải chịu 1.800.000 đồng, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án đã nộp theo biên lai thu số 10408 ngày 14/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang nên ông phải nộp tiếp 1.500.000 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền kháng cáo, nghĩa vụ thi hành án của các bên đương sự theo qui định pháp luật.

Ngày 12/12/2019 ông Nguyễn Thanh D2 có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện C yêu cầu cấp phúc thẩm bác đơn

yêu cầu mở lối đi trên phần đất của hộ gia đình ông đối với hộ gia đình ông Huỳnh Văn H.

Ngày 16/12/2019 nguyên đơn ông Huỳnh Văn H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Mai Thị L có đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét chấp nhận cho mở lối đi ngang 2m để vận chuyển hàng hóa và có đường nước để dẫn nước tưới tiêu trong vườn, xin xem xét lại giá trị đất tôi phải bồi thường chỉ đồng ý bồi thường cho bị đơn theo giá đất chuyển nhượng tại địa phương là 230.000đồng /1m².

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo

- Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu quan điểm: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử phúc thẩm tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự chấp hành đúng pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án. Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn sửa án sơ thẩm, ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn bồi thường cho bị đơn số tiền 45.000.000 đồng bao gồm (giá trị quyền sử dụng đất tổng diện tích lối đi là 45,3m² và phần giá trị hàng rào bị thiệt hại là 3.830.000 đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; nghe quan điểm của kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn Huỳnh Văn H cũng là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà L1, anh K, chị D3, chị H4 có mặt, bị đơn ông Nguyễn Thanh D2 cũng là người đại diện theo ủy quyền của các bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà D, anh N1, anh D1, chị L, chị H1, anh N, anh H2, chị Thu L3 có mặt, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Bé S, bà Nguyễn Thị Q đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và vắng mặt, căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông Nguyễn Văn Bé S, bà Nguyễn Thị Q,

[2] Xét thời hiệu kháng cáo: Nguyên đơn ông Huỳnh Văn H, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Mai Thị L1, bị đơn ông Nguyễn Thanh D2 cũng là người đại diện theo ủy quyền của các bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà D, anh N1, anh D1, chị L, chị H1, anh N, anh H2, chị

Thu L3 kháng cáo còn trong hạn theo quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Xét về quan hệ tranh chấp ông Huỳnh Văn H kiện bị đơn bà Nguyễn Thị D, anh Nguyễn Văn D1, chị Nguyễn Thị Hoa L, chị Nguyễn Thị L H1, anh Nguyễn Thanh N, anh Nguyễn Thanh H2, anh Nguyễn Thanh D2, anh Nguyễn Văn N1 yêu cầu mở lối đi và đường dẫn nước chiều ngang một đầu 02 m, một đầu 2.07 m chiều dài một cạnh 24,02 m và một cạnh dài 23,04m nằm (theo bản vẽ ngày 09/8/2019 của Công ty đo đạc Đông Hải) trên thửa đất 1931, tờ bản đồ số 2, diện tích 444 m² của bà D tại ấp M, xã Mỹ M, huyện C, tỉnh Tiền Giang để gia đình ông đi lại và tưới tiêu canh tác thửa 566 được thuận tiện, nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là :“Quyền về tưới nước, tiêu nước trong canh tác và quyền về lối đi”.

Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa phúc thẩm ông Huỳnh Văn H trình bày ông có thửa đất 566, diện tích 6.339m² tại ấp M, xã Mỹ M huyện C, Tiền Giang do ông đại diện hộ đứng tên, liền kề với đất của ông là đất của bà D ở số thửa đất 1931, tờ bản đồ số 2, diện tích 444 m² của bà D, thửa đất 566, thửa đất số 566 của ông trước đây có một đường nước để dẫn nước tưới tiêu phục vụ sản xuất và có một bờ ranh làm lối đi nối từ rạch Tràm Quỳ vào. Năm 2012 bà D khởi kiện tranh chấp quyền sử dụng đường nước và lối đi với ông. Bản án sơ thẩm số 216/2014/DS –ST ngày 06/11/2014 của Tòa án huyện C và bản án phúc thẩm số 221/2015/DS-PT ngày 28/5/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xử buộc ông phải trả lại đường nước và lối đi cho bà D có diện tích chiều ngang một đầu 02 m, một đầu 03 m, chiều dài một cạnh 23,44 m và một cạnh 22,8 m.

Phần đất này (chiều ngang một đầu 02 m, một đầu 03 m, chiều dài một cạnh 23,44 m và một cạnh 22,8 m) sau khi trả lại cho gia đình bà D thì thửa đất 566 của ông không còn đường nước để dẫn nước tưới tiêu phục vụ sản xuất và không có lối đi ra vào để canh tác đất.

Ngoài lối đi và đường dẫn nước nói trên thì gia đình ông không còn lối đi và đường dẫn nước nào khác để canh tác, sản xuất thửa đất 566. Nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với bị đơn trình bày nguyên đơn có thể mở lối đi khác như qua đất của ông Võ Văn Minh nhưng qua cấp sơ thẩm khảo sát thực tế thì đất của ông Minh đã xây nhà và hàng rào kiên cố nếu mở lối đi thì không thuận tiện bằng lối đi trên đất của bị đơn, còn lối đi phía sau đất ông H thì cách đường đi công cộng rất xa và qua nhiều thửa đất nên không phù hợp.

Cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chấp nhận mở một mét chiều ngang và chiều dài theo sơ đồ bản vẽ, do không đồng ý án sơ thẩm ông H, bà L1 có đơn kháng cáo yêu cầu mở 2m để cho việc thuận tiện đặt ống dẫn nước và đường đi chở phân thuốc và vận chuyển trái cây vì mở một mét là quá nhỏ, đối với bị đơn kháng cáo không chấp nhận mở lối đi vì cho rằng ông H đã có lối đi khác. Qua biên bản xác minh ngày 09/8/2019 tại nhà ông Đặng Văn C3 và biên bản xác minh ngày 19/9/2019 tại nhà ông Nguyễn Văn Bé T4 (trưởng ấp) thì ngoài lối đi ông H bà L1 yêu cầu mở trên đất bà D thì trước đây ông H bà L1 phải đi nhờ qua vườn cây trên đất ông Nguyễn Văn M2, đất ông Lê Văn B1, đất ông Phạm Văn Đ1 mới đến đất ông H tổng chiều dài khoảng hơn 300m còn nếu mở lối đi trên đất bà D để đi ra đường công cộng chiều dài chỉ có 24,2m. Cho nên việc nguyên đơn yêu cầu mở là có cơ sở :

Căn cứ vào Điều 253 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định : Quyền về tưới nước, tiêu nước trong canh tác: Người có quyền sử dụng đất canh tác khi có nhu cầu về tưới nước, tiêu nước, có quyền yêu cầu những người sử dụng đất xung quanh để cho mình một lối dẫn nước thích hợp, thuận tiện cho việc tưới, tiêu; người được yêu cầu có nghĩa vụ đáp ứng yêu cầu đó; nếu người sử dụng lối dẫn nước gây thiệt hại cho người sử dụng đất xung quanh thì phải bồi thường.

Điều 254. Quyền về lối đi qua

1. Chủ sở hữu có bất động sản bị vây bọc bởi các bất động sản của các chủ sở hữu khác mà không có hoặc không đủ lối đi ra đường công cộng, có quyền yêu cầu chủ sở hữu bất động sản vây bọc dành cho mình một lối đi hợp lý trên phần đất của họ.

Lối đi được mở trên bất động sản liền kề nào mà được coi là thuận tiện và hợp lý nhất, có tính đến đặc điểm cụ thể của địa điểm, lợi ích của bất động sản bị vây bọc và thiệt hại gây ra là ít nhất cho bất động sản có mở lối đi.

Chủ sở hữu bất động sản hưởng quyền về lối đi qua phải đền bù cho chủ sở hữu bất động sản chịu hưởng quyền, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

2. Vị trí, giới hạn chiều dài, chiều rộng, chiều cao của lối đi do các bên thỏa thuận, bảo đảm thuận tiện cho việc đi lại và ít gây phiền hà cho các bên; nếu có tranh chấp về lối đi thì có quyền yêu cầu Tòa án, cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác xác định.

3. Trường hợp bất động sản được chia thành nhiều phần cho các chủ sở hữu, chủ sử dụng khác nhau thì khi chia phải dành lối đi cần thiết cho người phía trong theo quy định tại khoản 2 Điều này mà không có đền bù.

Qua xem xét yêu cầu kháng cáo của ông H bà L1 là có căn cứ xét về điều kiện nếu mở lối đi để vào đất canh tác chiều ngang 1m là quá nhỏ do đó cần phải

mở 2m chiều ngang để cho thuận tiện trong việc chuyên chở phân thuốc và vận chuyển trái cây, căn cứ vào giá đất thực tế tại địa phương chỉ có 230.000đồng/m² x 45.3m² = 10.419.000đồng, qua động viên tại phiên tòa nếu mở rộng ra 2m thì có phần thiệt hại cho bị đơn vì giá đất theo thực tế địa phương quá thấp. Qua phân tích tại phiên tòa phúc thẩm ông H yêu cầu mở lối đi ngang 2m và tự nguyện hỗ trợ cho bị đơn giá trị phần đất mở thêm là 15.000.000đồng cộng với 30.000.000đồng (bao gồm giá trị đất +phần giá trị hàng rào bị thiệt hại là 3.830.000đồng ở giai đoạn sơ thẩm) tổng cộng là 45.000.000đồng là có lợi cho bị đơn rất nhiều.

Do đó Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận theo yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Huỳnh Văn H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Mai Thị L, sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm.

Đối với bị đơn không chấp nhận yêu cầu mở lối đi cho ông H và các thành viên trong hộ ông H là không có cơ sở nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

[4] Xét đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ nên được chấp nhận.

[5] Về án phí: Do sửa án sơ thẩm các đương sự không phải chịu án phí phúc thẩm.

[6] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị xem như có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 2 Điều 308 Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.
- Các Điều 253, 254, 468 của Bộ luật Dân sự;
- Điều 95 Luật đất đai;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Huỳnh Văn H, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Mai Thị L1

[1] Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Thanh D2.

[2] Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 255/2019/DS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện C

Xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Văn H.

Buộc bà Nguyễn Thị D, anh Nguyễn Văn N1, anh Nguyễn Văn D1, chị Nguyễn Thị Hoa L, chị Nguyễn Thị L H1, anh Nguyễn Thanh N, anh

Nguyễn Thanh H2, chị Nguyễn Thị Thu L3 và anh Nguyễn Thanh D2 mở cho hộ ông Huỳnh Văn H 01 đường đi và 01 đường nước tưới tiêu có tứ cận như sau:

- Phía Bắc giáp với đất của bà Nguyễn Thị D còn lại: 24,02m.
- Phía Nam giáp với đất ông Võ Văn Minh: $8,15\text{m} + 14,89\text{m} = 23,04\text{m}$.
- Phía Đông giáp với đường đi công cộng: 2,07 m.
- Phía Tây giáp với đất của ông Huỳnh Văn H: 02 m.

(Có sơ đồ bản vẽ kèm theo)

Phần đất này phía bị đơn có quyền sử dụng theo quyết định của phúc thẩm số 221/2015/DS-PT ngày 28/5/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Ghi nhận ông Huỳnh Văn H trả giá trị đất và giá trị hàng rào cho phía bị đơn là 45.000.000 (bốn mươi lăm triệu) đồng.

Kể từ ngày bị đơn có đơn yêu cầu thi hành án về phần tiền, nếu nguyên đơn chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi theo quy định của pháp luật đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Ông Huỳnh Văn H được quyền đăng ký, kê khai quyền sử dụng phần đất được mở lối đi, đường nước tưới tiêu theo qui định của pháp luật.

[3] Về án phí:

- Ông Nguyễn Thanh D2 là người đại diện theo ủy quyền của các bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà D, anh N1, anh D1, chị L, chị H1, anh N, anh H2, chị Thu L3 không phải chịu án phí phúc thẩm. Bà Nguyễn Thị D, anh Nguyễn Văn N1, anh Nguyễn Văn D1, chị Nguyễn Thị Hoa L, chị Nguyễn Thị Lệ H1, anh Nguyễn Thanh N, anh Nguyễn Thanh H2, chị Nguyễn Thị Thu L3 và anh Nguyễn Thanh D2 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, ông D2 đã đóng số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0002814 ngày 12 tháng 12 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C sau khi được cản trừ xem như ông D2 nộp xong án phí.

- Ông H, bà L1 không phải chịu án phí phúc thẩm, ông H, bà L1 đã đóng tạm ứng số tiền án phí phúc thẩm là 600.000 đồng theo biên lai thu số 0002846 ngày 16/12/2019 nên ông H bà L1 được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là 600.000 đồng. Ông H phải chịu 5% án phí sơ thẩm có giá ngạch là 2.250.000 đồng án phí sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án đã nộp theo các biên lai thu số 10408 ngày 14/6/2019 của Chi cục

Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang sau khi được cản trù nên ông H còn phải nộp tiếp 1.950.000 đồng án phí sơ thẩm.

[4] Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Đăng công thông tin điện tử;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án;

Nguyễn Thanh Triều

Các thẩm phán

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa